TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 25-5-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ngô Phúc
2. Bà Mai Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên toà: bà Lê Thị Tố Anh – Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 554/2022/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 11 năm 2022 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023; quyết định hoãn phiên tòa số 73/2023/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị Tuyết L, sinh năm 1990; Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Bị đơn: Nguyễn Trung N, sinh năm 1991; Địa chỉ: ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 04/8/2022, quá trình tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị Tuyết L trình bày:

- Về hôn nhân: bà và ông Nguyễn Trung N kết hôn năm 2017, hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 28/6/2017 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông Nam thường xuyên cờ bạc không chăm lo cho gia đình nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Hiện nay bà không còn tình cảm với ông Nguyễn Trung N nên yêu cầu

được ly hôn ông Nguyễn Trung N.

- Về con chung: có một con chung tên Nguyễn Trung P, sinh ngày 07/10/2017. Hiện con chung đang do ông Nguyễn Trung N trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu được quyền nuôi con chung, không yêu cầu ông Nguyễn Trung N cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết

* Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn ông Nguyễn Trung N nhưng ông Nguyễn Trung N đều vắng mặt không có lý do, đồng thời không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

* Tại phiên tòa:

- Bà Trần Thị Tuyết L thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Trung N, đồng ý cho ông Nguyễn Trung N được nuôi con chung cháu Nguyễn Trung P.

- Ông Nguyễn Trung N vắng mặt, không ghi nhận được ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân bà Trần Thị Tuyết L được ly ông Nguyễn Trung N; ông Nguyễn Trung N được quyền nuôi con chung, bà Trần Thị Tuyết L không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa bà Trần Thị Tuyết L và ông Nguyễn Trung N là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2 Thẩm quyền giải quyết: Tại biên bản xác minh hộ khẩu ngày 09/3/2023 Công an xã B, huyện C, tỉnh An Giang xác định ông Nguyễn Trung N đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp P, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Trung N đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: bà Trần Thị Tuyết L và ông Nguyễn Trung N kết hôn năm 2017, hôn nhân do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, đăng ký kết hôn ngày 28/6/2017 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện cho bà Trần Thị Tuyết L và ông Nguyễn Trung N được đoàn tụ, nhưng bà Trần Thị Tuyết L cương quyết ly hôn, ông Nguyễn Trung N đều vắng mặt tại các phiên hòa giải chứng tỏ ông Nguyễn Trung N cũng không có mong muốn được đoàn tụ. Như vậy hôn nhân của ông bà đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Tuyết L.

2.2 Về con chung: bà Trần Thị Tuyết L và ông Nguyễn Trung N có một con chung tên Nguyễn Trung P, sinh ngày 07/10/2017, hiện cháu Phước đang do ông Nguyễn Trung N trực tiếp nuôi dưỡng. Tại đơn khởi kiện bà Trần Thị Tuyết L yêu cầu được nuôi con chung tuy nhiên tại phiên tòa bà Lan thay đổi yêu cầu khởi kiện đồng ý cho ông Nam được quyền nuôi cháu Nguyễn Trung P, sự thay đổi này của bà Lan là hoàn toàn tự nguyện và không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà Lan. Bên cạnh đó Hội đồng xét xử nhận thấy hiện cháu Nguyễn Trung P còn nhỏ, đang sống ổn định với cha, do đó yêu cầu của bà Lan có căn cứ để chấp nhận. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Tuyết L để ông Nguyễn Trung N được quyền nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Trung P.

2.*3 Về cấp dưỡng nuôi con chung*: ông Nguyễn Trung N không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

2.4 Về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí sơ thẩm: bà Trần Thị Tuyết L là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Tuyết L.

1. Về hôn nhân: bà Trần Thị Tuyết L được ly hôn ông Nguyễn Trung N.

Giấy chứng nhận kết hôn số 92 ngày 28/6/2017 của Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Trung N được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Trung P, sinh ngày 07/10/2017.

Bà Trần Thị Tuyết L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về án phí sơ thẩm: bà Trần Thị Tuyết L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003999 ngày 22/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. Quyền kháng cáo: bà Trần Thị Tuyết L được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 25/5/2023). Ông Nguyễn Trung N được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đỗ Hữu Phúc